

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022.

“Về việc Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế;
2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mông Thị V, sinh năm: 1974 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Xóm NB, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm BB 2, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn B, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm NB, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mông Thị V trình bày:

Chị và anh B tổ chức lễ cưới vào ngày 20/11/1991 (âm lịch) nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của luật, lý do không đăng ký kết hôn là do đều đã được hai bên gia đình đồng ý và do mãi làm ăn kinh tế nên không đi đăng ký kết hôn, vì vậy đến nay vợ chồng sống chung với nhau cũng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên trước khi tổ chức lễ cưới anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh B làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng khoảng một năm thì vợ chồng ra ở riêng trên đất của bố mẹ chồng cho. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hòa thuận hạnh phúc thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhỏ, nguyên nhân là do trong ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái, bất đồng về quan điểm sống. Do kinh tế gia đình khó khăn năm 2006 nên chị bàn bạc với anh B để chị đi làm ăn xa anh B cũng đồng ý, khi đi làm thì chị vẫn gửi tiền về cho anh B để chăm lo cho gia đình và nuôi con. Từ khi đi làm thì vợ chồng ít gần nhau nên tình cảm cũng từ đó có nhiều thay đổi không còn quan tâm đến nhau nhiều nữa. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng nguyên nhân vẫn là do trong ăn ở sinh hoạt gia đình, tính tình không hòa hợp, trái ngược nhau chị cũng cố gắng để vun vén gia đình, khuyên bảo anh B thay đổi tính nết để vợ chồng hòa thuận nhưng không thành. Đến cuối năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Triệu Thị Thúy, sinh ngày 29/7/1993 và Triệu Thị Phương Thảo, sinh ngày 29/10/1995, hiện các con đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được và đã xây dựng gia đình riêng. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị V xác định với, chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Triệu Văn B trình bày:*

Về thời gian tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống, về những mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian sống ly thân, về con chung như chị V trình bày là đúng. Anh chị chung sống đến nay đều không có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh B xác định từ năm 2006 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày. Chị V đi làm xa nhà, thời gian đầu có gọi điện về cho chồng con, có gửi tiền về cho anh để chăm lo cho gia đình và nuôi con sau đó thì ít gọi điện về, có gọi nói chuyện thì lại cãi nhau, anh có hỏi thì chị V cho rằng đi làm về mệt không có thời gian về thăm nhà và gọi điện cho anh. Từ đó vợ chồng xa cách dần và không có tình cảm, thỉnh thoảng chị V về nhưng rất ít nói chuyện với anh nếu có nói thì chỉ vài ba câu thì lại cãi nhau. Đến cuối năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, những ngày lễ tết chị V chỉ về nhà một lúc rồi lại đi xuống chỗ làm ngay hoặc về nhà bố mẹ để ở không ở nhà với chồng, con. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng cuối năm 2020 cho đến nay. Nay chị V xin ly hôn anh đồng ý. Anh chị không có đăng ký kết hôn tùy Tòa xem xét quyết định.

- Về con chung: Anh B xác định vợ chồng có hai con chung là Triệu Thị Thúy, sinh ngày 29/7/1993 và Triệu Thị Phương Thảo, sinh ngày 29/10/1995 như chị V trình bày là đúng, hiện các con đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được và đã xây dựng gia đình riêng. Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh B xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng của chị V: Anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục

tổ tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mông Thị V và anh Triệu Văn B. Chị V anh B có 02 con chung là Triệu Thị Thúy, sinh ngày 29/7/1993 và Triệu Thị Phương Thảo, sinh ngày 29/10/1995 đã trưởng thành, khỏe mạnh, lao động tự túc được vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung chị V, anh B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải nhưng chị V, anh B không có đăng ký kết hôn. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tổ tụng:

Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tổ tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tổ tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Mông Thị V và anh Triệu Văn B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 11/1991 (âm lịch) cho đến nay, anh, chị thừa nhận không có đăng ký kết hôn. Xác minh tại Ủy ban nhân xã TĐ, Ủy ban nhân dân xã ĐM, nơi cư trú, nơi có thẩm quyền đăng ký kết hôn cho chị V, anh B vào thời điểm vợ chồng chung sống từ năm 1991 cho đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Chị V, anh B chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V nhận thấy rằng: Từ năm 2006 trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày giữa chị V, anh B đã luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách ăn ở, sinh hoạt. Chị V cho rằng anh B không chịu quan tâm đến vợ con nên vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, anh B cho rằng khi chị V đi ăn xa nhưng không quan tâm đến chồng con nên vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau đến cuối năm 2020 vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc gì đến nhau nữa. Điều đó cho thấy giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do riêng về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị V xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng chia sẻ để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ, đúng thực tế. Tuy nhiên anh, chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, chị V không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn anh B. Căn cứ vào Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh B.

[4]. Về con chung: Chị V và anh B có 02 con chung là Triệu Thị Thúy, sinh ngày 29/7/1993 và Triệu Thị Phương Thảo, sinh ngày 29/10/1995 cả hai đều đã trưởng thành hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được và đã xây dựng gia đình riêng. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị Mông Thị V và Triệu Văn B xác định tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Mông Thị V và Triệu Văn B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Mông Thị V và Triệu Văn B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mông Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mông Thị V và anh Triệu Văn B.

2. Về con chung: Cháu Triệu Thị Thúy, sinh ngày 29/7/1993 và cháu Triệu Thị Phương Thảo, sinh ngày 29/10/1995 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường lao động tự túc được, đã đi xây dựng gia đình riêng. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Mông Thị V và Triệu Văn B xác định tự thỏa thuận phân chia không cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Mông Thị V và Triệu Văn B xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Mông Thị V và Triệu Văn B xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Mông Thị V phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004590 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng